TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 11- 2018
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Tô Thị Thy Tuyết**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Đức**.

2. Ông **Nguyễn Văn Đích**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hạnh** – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hương Thu**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: Số 30 Đường N, Tổ 09 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V. Sinh năm: 1973.

- Nơi cư trú: Số 30 Đường N, Tổ 09 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội- Trụ sở: số 169 Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T– Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T- Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH quận S, Tp Đà Nẵng theo quyết định ủy quyền 4716/QĐ –NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. Công ty tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam- Trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 Đường N, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn V vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cải vã, trong cuộc sống ông V không có trách nhiệm với gia đình, tiền bạc làm ra ông không phụ giúp bà để lo cho gia đình, không quan tâm gì đến bà mà thường hay nói năng xúc phạm bà nhiều điều, ông V tính gia trưởng có lúc đánh đập bà vô cớ. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên bà và ông V sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà Nguyễn Thị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả vì vậy bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn N, Sinh ngày: 28/4/1996 và Nguyễn Thị D, Sinh ngày: 02/9/2005. Nếu ly hôn bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Thị D và

không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Còn người con lớn đã trưởng thành và phát triển bình thường ở ai tùy ý.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung

- Về nợ chung**:** Bà Nguyễn Thị T xác định có nợ ngân hàng Chính sách xã hội 11.500.000 đồng tiền gốc và nợ lãi đến ngày 13/11/2018 là 14.972 đồng, Nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam số tiền gốc và lãi tổng cộng là 53.652.250đồng, đã thanh toán được 03 kỳ trả góp với số tiền là 5.364.000đồng, hiện còn nợ số tiền 48.288.250 như đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam. Tại phiên tòa hôm nay bà có ý kiến nếu ly hôn thì bà chịu trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị T vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm sống tính tình không hợp nên thường hay xảy ra tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp dần dần không nói chuyện với nhau. Bà T không có trách nhiệm quan tâm tới gia đình, không lo làm ăn thường hay đi chơi khi ông góp ý thì bà T không vừa ý, nhiều lúc ông có khuyên nhủ nhưng bà T không nghe nên bực tức ông có đánh bà T. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên ông và bà T sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông xác định về tình cảm vẫn còn thương yêu bà T nhưng bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn V xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn N, Sinh ngày: 28/4/1996 và Nguyễn Thị D, Sinh ngày: 02/9/2005. Nếu ly hôn ông Nguyễn Văn V đồng ý giao con chung Nguyễn Thị D cho bà T

trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không cấp dưỡng nuôi con. Còn người con lớn đã trưởng thành và phát triển bình thường ở với ai tùy ý.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn V xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn V xác định vợ chồng có nợ ngân hàng Chính sách xã hội 11.500.000 đồng tiền gốc và nợ lãi đến ngày 13/11/2018 là 14.972 đồng, Nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam số tiền gốc và lãi tổng cộng là 53.652.250đồng, đã thanh toán được 03 kỳ trả góp với số tiền là 5.364.000đồng, hiện còn nợ số tiền 48.288.250 như đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam trình bày. Tại phiên tòa hôm nay ông đồng ý với ý kiến của bà T là bà T sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày: Ngày 08/9/2015, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà 01 vốn vay chương trình hộ cận nghèo với số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 0,792% một tháng, thời hạn vay là 3 năm, ngày đến hạn 08/9/2018. Trong quá trình vay vốn bà T, ông V mới trả cho Ngân hàng được một ít tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả đồng nào. Đến thời hạn thanh toán do bà T ông V chưa trả số tiền trên nên Ngân hàng đồng ý cho gia hạn đến ngày 08/3/2020 sẽ trả dứt điểm số nợ trên.Tinh đến ngày 13/11/2018 vợ chồng bà T ông V còn nợ ngân hàng 11.500.000đồng tiền nợ gốc và 14.972 đồng tiền nợ lãi. Nay vợ chồng bà T, ông V ly hôn đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội đồng ý cho bà Nguyễn Thị T thanh toán khoản nợ vay trên đến thời hạn cuối cùng là ngày 08/3/2020.

* Tại văn bản ngày 27/9/2018 đại diện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam trình bày: Ngày 10/5/2018, khách hàng Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng tín dụng số 3802040225 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam. Theo đó, khách hàng Nguyễn Thị T được Home Credit cho vay số tiền là 33.366.000 đồng trong thời

hạn 30 tháng với mục đích tiêu dùng. Căn cứ vào hợp đồng, khách hàng Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Home Credit khoản trả góp hàng tháng là 1.788.000 đồng vào ngày 03 hàng tháng, kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 03/6/2018. Hiện tại khách hàng Nguyễn Thị T mới chỉ thanh toán được 3 kỳ trả góp tương đương với số tiền là 5.364.000đồng. Tổng số tiền mà khách hàng Nguyễn Thị T còn nợ Home Credit là 48.288.250đồng (bao gồm cả gốc, lãi và phạt phát sinh). Đối với khoản nợ hiện tại của khách hàng Nguyễn Thị T, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có bất cứ tranh chấp nào phát sinh chúng tôi sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ việc độc lập. Do không thể cử người đại diện tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị cơ quan tòa án giải quyết vụ việc, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn V. Đề nghị HĐXX Công nhân sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Thị D, Sinh ngày: 02/9/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con chung. Còn người con lớn đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xác nhận có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 13/11/2018 là 11.500.000đồng tiền nợ gốc và 14.972 đồng tiền nợ lãi. Tại phiên tòa vợ chồng ông V bà T thống nhất thỏa thuận bà T là người có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Sự thỏa thuận của hai ông bà cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội nên chấp nhận và buộc bà T phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng chính sách xã hội khi đến hạn. Đối với khoản nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam thì thấy do Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn ông Nguyễn Văn V đang cư trú tại số 30 Đường N, tổ 09 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xây dựng gia đình với nhau vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Vợ chồng chung sống được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nhau từ việc nhỏ cho đến việc lớn, trong cuộc sống vợ chồng không quan tâm, chia sẻ, thông cảm công việc trong gia đình nên thường xuyên nói năng xúc phạm nhau, thậm

chí có lúc xô xát, đánh đập nhau. Do mâu thuẩn vợ chồng xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Tại phiên tòa bà T, ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

[4] Xét yêu cầu xin được thuận tình ly hôn của các bên đương sự thì thấy: Hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả vợ lẫn chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng xét trường hợp của hai ông bà thì thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu quý trọng, thường gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau, không có sự chia sẽ, thông cảm trong công việc gia đình điều đó chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được thuận tình ly hôn của bà T, ông V là phù hợp.

[5] Về nuôi con chung: Con chung giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xác định có 02 người: Nguyễn Văn N, Sinh ngày: 28/4/1996 và Nguyễn Thị D, Sinh ngày: 02/9/2005. Tại phiên toà, bà T và ông V thống nhất thoả thuận giao con Nguyễn Thị D cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con. Còn người con lớn đã trưởng thành và phát triển bình thường ở với ai tùy ý. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con và điều kiện thực tế của các bên đương sự nên HĐXX chấp nhận. Do các bên đương sự không yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xác định không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V xác định có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 13/11/2018 là 11.500.000đồng tiền nợ gốc và 14.972 đồng tiền nợ lãi như đại diện Ngân hàng chính sách xã hội trình bày là đúng. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn V thống nhất thỏa thuận về việc trả nợ với nhau như sau: bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền 11.514.972 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/11/2018. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/3/2020. Việc thỏa thuận trả nợ của hai ông bà cũng phù hợp với ý kiến của Ngân hàng chính sách xã hội nên chấp nhận. Đối với khoản nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam thì thấy do Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Home Credit Việt Nam không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đề cập đến. Trường hợp có tranh chấp phát sinh thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ kiện dân sự độc lập.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm : 300.000đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn V

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V về việc nuôi con chung như sau:

- Giao con chung là Nguyễn Thị D, Sinh ngày: 02/9/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ nợ chung: Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/11/2018 là 11.514.972 đồng (Mười một triệu năm trăm mười bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/3/2020.

Kể từ ngày 14/11/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất do các bên đương sự đã thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số 6600000705423186 được ký kết ngày 08/9/2015.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 8791 ngày 20 tháng 6 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường A, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết